TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **119**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 31/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2023 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 214/2023/TB-LPT ngày 25/5/2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị Dương Thị H, sinh năm 1993 (Xin vắng mặt)

HKTT: thôn Kiễm, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Nơi cư trú hiện nay: Số 102 Tòa nhà Sejour Noel A, 5-542 Yokaichi, thành phố Kanazawa, tỉnh Ishikawa, Nhật Bản.

- Người đại diện nhận văn bản tố tụng của chị Dương Thị H: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1999; Địa chỉ: Lô 12, LK 37, khu đô thị phía Nam, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn**: Anh Hán Văn Q, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Kiễm, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 23/8/2011, chị và anh Hán Văn Q kết hôn với nhau tại UBND xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang. Quá trình chung sống, anh chị có 02 người con chung là cháu Hán Văn T, sinh ngày 23/5/2012 và cháu Hán Thị Thanh H, sinh ngày 09/11/2015. Tuy nhiên thời gian sau đó vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong quan điểm sống và nuôi dạy con cái. Anh chị bất đồng quan điểm về mọi mặt, dù cố gắng hàn gắn nhưng không thể hòa hợp. Kể từ năm 2019 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Hiện tại chị đang lao động và sinh sống tại Nhật Bản, cả 2 con chung đều đang ở với anh Q tại thôn Kiễm, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên đề nghị Tòa án cho chị và anh Hán Văn Q được ly hôn.

- Về con chung: Hiện nay chị đang làm việc tại Nhật Bản, không có điều kiện về thời gian để chăm sóc con chung nên đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Hán Văn T, sinh ngày 23/5/2012 và Hán Thị Thanh H, sinh ngày 09/11/2015 cho anh Hán Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Hán Văn Q trình bày:*

Anh và chị Dương Thị H kết hôn với nhau năm 2011, sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu, vợ chồng hòa thuận và đã có 02 con chung. Năm 2017 chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu khi chị H đi nước ngoài làm việc thì vợ chồng thỉnh thoảng có liên lạc với nhau nhưng sau đó được khoảng 1 năm thì chị H cắt đứt liên lạc với anh và gia đình, không quan tâm gì đến chồng và các con ở nhà. Đến đầu năm 2023 vừa qua chị H có về nước nghỉ phép nhưng chỉ ở nhà vài ngày rồi bỏ xuống nhà ngoại ở, không quan tâm gì đến chồng con. Đến nay vợ chồng anh đã không còn liên lạc với nhau nữa. Tuy nhiên do anh không muốn ảnh hưởng đến các cháu nhỏ và muốn các cháu có tình cảm của mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Hán Văn T, sinh ngày 23/5/2012 và Hán Thị Thanh H, sinh ngày 09/11/2015. Từ khi chị H đi nước ngoài làm việc thì không còn quan tâm gì đến các cháu, cả 2 cháu đều do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh nhận nuôi cả 2 cháu và không đề nghị Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên anh xin phép được vắng mặt tại các phiên họp, các phiên tòa.

* Tòa án tiến hành làm việc với con chung của chị anh Q, chị H là cháu Hán Văn T, sinh ngày 23/5/2012 và Hán Thị Thanh H, sinh ngày 09/11/2015. Các cháu trình bày từ nhỏ mẹ cháu đã đi nước ngoài, không chăm sóc các cháu và cũng không hề quan tâm gì đến các cháu. Các cháu được bố và ông bà nội chăm sóc từ nhỏ. Nay các cháu có nguyện vọng được ở với bố Hán Văn Q.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H và anh Q đều xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H. Xử:

Cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Hán Văn Q.

Về con chung: Giao con chung là cháu Hán Văn T và Hán Thị Thanh H cho anh Hán Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: anh Q và chị H xác định không có, không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị H là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Hán Văn Q. Bị đơn anh Hán Văn Q là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn chị Dương Thị H đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị H và anh Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị H và anh Hán Văn Q kết hôn với nhau ngày 23/8/2011 tại

UBND xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. HĐXX thấy: Chị H xác định vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Hán Văn Q. Bản thân anh Q cũng xác định chị H sau khi đi nước ngoài được một thời gian đã cắt đứt liên lạc với anh và gia đình, không quan tâm gì đến chồng và các con ở nhà; khi chị H về nước nghỉ phép cũng không quan tâm đến chồng con mà bỏ xuống nhà bố mẹ đẻ ở. Nhưng do anh Q không muốn ảnh hưởng đến các cháu nhỏ và muốn các cháu có tình cảm của mẹ nên anh không đồng ý ly hôn. Như vậy, đủ cơ sở xác định vợ chồng chị H, anh Q không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Q.

[4]. Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là cháu Hán Văn T, sinh ngày 23/5/2012 và Hán Thị Thanh H, sinh ngày 09/11/2015. Chị H xác định hiện nay chị đang ở nước ngoài không có điều kiện nuôi con chung nên đề nghị giao cả 2 con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Anh Q xác định nếu Tòa án vẫn giải quyết ly hôn thì anh nhận nuôi cả 2 con chung. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị H không có mặt ở tại địa phương. Cháu Quân và cháu Hồng đều đang ở ổn định với anh Q và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hán Văn T và cháu Hán Thị Thanh H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều

37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn với anh Hán Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hán Văn T, sinh ngày 23/5/2012 và Hán Thị Thanh H, sinh ngày 09/11/2015 cho anh Hán Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000842 ngày 31/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Dương Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Hán Văn Q cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang,
- UBND xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang,
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hường